

Bản án số: 36/2019/HS-ST
Ngày 22 tháng 4 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hợi.
2. Ông Nguyễn Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa:

Ông Lý Đình Kiên - Chức vụ: Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **NGUYỄN TIẾN T**, sinh năm: 1978.

- Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn H (đã chết); Con bà: Dương Thị H, sinh năm 1935; Gia đình bị cáo có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ 7; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; Có 01 con sinh năm 2007;

- Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2018 đến ngày 01/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn áp dụng biện pháp cho bảo lãnh.

(Có mặt)

2. Họ và tên **PHÙNG XUÂN H**; Sinh năm 1985 (Tên gọi khác: không).

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Khu 1, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phùng Văn M (Đã chết); Con bà: Lương Thị S, sinh năm 1965; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ 01 trong gia đình; Vợ: Trần Thị P, sinh năm 1985 (Đã ly hôn); Con: Phùng Anh D, sinh năm 2007.

- Tiền án: 01. Tại bản án hình sự số 175 ngày 28/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ xử phạt Phùng Xuân H 33 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” (Bị cáo ra trại ngày 31/5/2018).

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại bản án hình sự số 32 ngày 30/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xử phạt 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/11/2018. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

3. Họ và tên: **VŨ THỊ M**, sinh năm: 1981.

- Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: xóm M, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Kim T (đã chết); Con bà: Phạm Thị Đ, sinh năm 1936; Gia đình bị cáo có 10 anh chị em, bị cáo là con thứ 10; Chồng: Nguyễn Văn T (Đã chết), có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2005.

- Tiền án; Tiền sự: không

Nhân thân: Tại bản án hình sự số 02/2013/HS-ST ngày 22/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện V xử phạt Vũ Thị M 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng (Bản án trên đã xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/11/2018 đến ngày 22/11/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

4. Họ và tên **NGUYỄN VĂN A**, sinh năm 1973 (Tên gọi khác: không).

- Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm: 1932; Con bà: Nguyễn Thị T (Đã chết); Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ 06 trong gia đình; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1972, có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2000.

- Tiền án; Tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/11/2018 đến ngày 22/11/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn áp dụng biện pháp cho bảo lãnh. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

5. Họ và tên: **TRẦN VĂN B**, sinh năm 1983; Tên gọi khác: Không.

- Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố M, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn T, sinh năm 1960; Con bà: Tạ Thị H, sinh năm 1960; Gia đình có 03 anh em bị cáo là con thứ 01 trong gia đình; Vợ: Tạ Thị B, sinh năm 1987, có 01 con sinh năm 2007.

- Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/11/2018 đến ngày 22/11/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

6. Họ và tên: **NGUYỄN THỊ C**, sinh năm: 1966 (Tên gọi khác: không)

- Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Ngày 29/11/2018 đã bị Ủy ban kiểm tra huyện ủy huyện P đã ra quyết định số 35/QĐ/UBKTHU đình chỉ sinh hoạt đảng; Con ông: Nguyễn Trọng C (Đã chết); Con bà: Dương Thị H; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Chồng: Hoàng Đại H, sinh năm 1960 (đã ly hôn), có 02 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 2003.

- Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

7. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN D**, sinh năm 1962 (Tên gọi khác: không)

- Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn B (Đã chết); Con bà: Đỗ Thị Đ, sinh năm 1934 Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Vợ: Ngô Thị T. Sinh năm 1964, có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1990.

- Tiền án; Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/11/2018 đến ngày 22/11/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

8. Họ và tên: **NGÔ VĂN E**, sinh năm 1972 (Tên gọi khác: Không).

- Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ngô Văn D, sinh năm 1931; Con bà: Nguyễn Thị G (Đều đã chết); Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ 07 trong gia đình; Vợ: Phạm Thị M, sinh năm 1973, có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1996.

- Tiền án; Tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/11/2018 đến ngày 22/11/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Ngô Thị T, sinh năm 1981

Nơi thường trú: Phố T, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang

(Vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị L (Tên gọi khác: Dương Ngọc L), sinh năm 1966

Nơi thường trú: Tổ 21, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 ngày 12/11/2018, Tổ công tác của Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên nhận được tin báo của quần chúng nhân dân tại nhà Nguyễn Văn A, sinh năm 1973; Trú quán: xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên có một số đối tượng đang đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền.

Khi lực tổ công tác đến thì một số đối tượng đi ra từ trong nhà bếp của gia đình A. Phát hiện thấy tổ công tác, một số đối tượng đã bỏ chạy còn một số đối tượng bị yêu cầu ở lại làm việc, gồm: Vũ Thị M, sinh năm 1981; Trú quán: xóm M, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nguyễn Thị L (tên gọi khác Dương Ngọc L) sinh năm 1966; Trú quán: tổ 21, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Hoàng Văn H, sinh năm 1986; xóm N, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nguyễn Văn D, sinh năm 1962; Trú quán: thôn H, Xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Tiến T, sinh năm 1978; xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Phùng Xuân H, sinh năm 1985; Trú quán: Khu 1, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; Nguyễn Thị C, sinh năm 1966; Trú quán: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Ngô Văn E, sinh năm 1972; Trú quán: xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nguyễn Văn A, sinh năm 1973; Trú quán: xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Ngô Thị T1, sinh năm 1981; Trú quán: phố T, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Kiểm tra khu vực trong bếp nhà Nguyễn Văn A, tổ công tác phát hiện trên nền nhà có 02 đĩa sứ nhỏ, 01 đĩa sứ nhỏ đã bị vỡ đôi, 02 bát sứ nhỏ màu trắng; 04 mảnh bìa cát tông trên mặt xám không có chữ chỉ có các vòng tròn đen không đen có dấu hiệu bị xé rời từ một tấm bìa nguyên có kích thước 30 x 35cm, 01 mảnh giấy kẻ ô ly nhiều số, 01 mảnh giấy vở học sinh được kẻ ngang một góc bị xé, 01 bút, 01 thanh tre, 01 con dao, 08 mẫu tre khô một mặt được bôi đen nghi là được bẻ ra từ 04 quân vị, 01 chiếu cói và tại thùng sơn đựng cám có 9.200.000 đồng (Nguyễn Thị C nhận là người đã để vào đó).

Quá trình làm việc, các đối tượng đã tự giác giao nộp số tiền trên người như sau: Nguyễn Văn D, sinh năm 1962 giao nộp 11.115.000 đồng; Ngô Thị T1 giao nộp 17.200.000 đồng; Vũ Thị M giao nộp 3.450.000 đồng; Trần Văn B giao nộp 3.500.000 đồng; Nguyễn Tiến T giao nộp 5.530.000 đồng; Phùng Xuân H giao nộp 40.000 đồng; Nguyễn Duy G giao nộp 290.000 đồng; Hoàng Văn H giao nộp 200.000 đồng; Ngô Văn E nộp 130.000 đồng. Tổ công tác tạm giữ 10 điện thoại di động của các bị cáo gồm:

- 01 điện thoại di động NOKIA 1280 màu đen của Phùng Xuân H;
- 01 điện thoại di động OPPO F3 màu trắng, số IMEI: 127116 của Nguyễn Tiến T;
- 01 điện thoại di động Iphone 5S màu vàng trắng, số IMEI: 997192 của Ngô Văn E;
- 01 điện thoại di động OPPO F5 màu nâu vàng, số IMEI: 161058; 01 điện thoại di động Samsung A6 màu nâu, số IMEI: 522775 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 màu đen của Vũ Thị M;
- 01 điện thoại di động Masstel màu đen của Nguyễn Văn A;
- 01 điện thoại di động NOKIA màu đen của Trần Văn B;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, có số IMEI 120532 của Nguyễn Duy G;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu đen, có số IMEI 453324 của Hoàng Văn H.

Ngoài ra, tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu nâu đen, BKS: 20G1-311.86 của Nguyễn Tiến T; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu nâu đen, BKS: 98D1-198.66 của Nguyễn Văn A; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đen, BKS: 98M2-1725 đăng ký xe mang tên Ngô Công K của Hoàng Văn H; 01 xe mô tô nhãn hiệu Angel 100 màu xanh; BKS: 98N1-8884 chưa rõ chủ xe; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, BKS: 20G1-449.61 đăng ký xe mang tên Vi Thị L.

Tạm giữ 01 ví màu đen loại ví nữ cầm tay đã qua sử dụng của Dương Ngọc L.

Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc thu giữ vật chứng và đưa các đối tượng về Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện P để làm việc.

Tại cơ quan điều tra các đối tượng khai nhận như sau:

Buổi trưa ngày 12/11/2018, Nguyễn Tiến T đến nhà Nguyễn Văn A (sinh năm 1973) chủ nhà (A là anh rể của T) để ăn cơm liên hoan mừng mua xe mô tô mới. Sau khi ăn uống xong, T nảy sinh ý định tổ chức đánh bạc nên T hỏi A cho T và mọi người đánh bạc tại nhà A và nói sẽ trả tiền công thuê địa điểm cho A, A đồng ý. Sau đó, T gọi điện thoại cho Nguyễn Văn D sinh năm 1962; Vũ Thị M, Vũ Văn T2, Ngô Văn E và một số đối tượng khác đến nhà Nguyễn Văn A để đánh bạc. T phân công cho E canh gác tại đồi phía sau nhà A, còn M là người thu tiền phé và làm hồ lý cho các đối tượng khác đánh bạc.

T thỏa thuận sẽ trả tiền công cho E và M mỗi người với số tiền là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*). Sau đó, lần lượt đối tượng nêu trên đi vào bếp nhà A đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền. Trong khi các đối tượng đang tham gia đánh bạc chưa xác định được người thắng người thua thì Công an huyện P đến kiểm tra. Nguyễn Văn A (sinh năm 1973 - chủ nhà) phát hiện đã thông báo nên các đối tượng đã tự đập vỡ dụng cụ đánh bạc, cất giấu tiền và rời khỏi chiếu bạc ra sân còn một số đối tượng bỏ trốn. Tổ công tác đã lập biên bản sự việc thu giữ tiền, một số tài sản và các đồ vật có liên quan, đồng thời đưa các đối tượng về trụ sở làm việc.

Về hình thức đánh bạc như sau:

Những người chơi chuẩn bị 04 quân vị được bôi đen một mặt, 01 chiếc bát, 01 chiếc đĩa. Trước khi đánh bạc, những con bạc thống nhất chọn người xóc cái, những con bạc còn lại ngồi thành hai dãy (quy ước bên tay trái của người xóc cái là lẻ, bên tay phải là chẵn). Người xóc cái cho 04 quân vị vào chiếc đĩa rồi úp bát lên xóc, xong đặt bát đĩa xuống cho những con bạc đặt cược chẵn, lẻ. Khi người xóc cái mở bát ra nếu cả 4 quân vị đều đen hoặc đều trắng, hoặc có 2 quân đen, 2 quân trắng thì là chẵn, lúc này con bạc đặt cửa chẵn sẽ thắng. Ngược lại nếu khi người xóc cái mở bát ra mà có 1 quân vị đen và 3 quân vị trắng hoặc 1 quân vị trắng và 3 quân vị đen thì là lẻ. Lúc này, những con bạc đặt cửa lẻ sẽ thắng và bên thua phải trả tiền cho bên thắng theo số tiền mà các con bạc đã thống nhất đặt cược với nhau.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã chứng minh được các đối tượng tham gia đánh bạc gồm: Nguyễn Tiến T, Vũ Thị M, Trần Văn B, Nguyễn Văn D (sinh năm 1962), Nguyễn Văn A (sinh năm 1973), Phùng Xuân H, Nguyễn Thị C, Vũ Văn T2 và Ngô Văn E. Số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 16.885.000 đồng (*Mười sáu triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng*), cụ thể số tiền của các đối tượng như sau:

+ Nguyễn Văn D, sinh năm 1962 sử dụng số tiền 11.115.000 đồng (*Mười một triệu, một trăm mười lăm nghìn đồng*) để đánh bạc;

+ Nguyễn Tiến T sử dụng số tiền 5.530.000 đồng (*Năm triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*) để đánh bạc;

+ Phùng Xuân H sử dụng số tiền 40.000 đồng (*Bốn mươi nghìn đồng*) để đánh bạc

Tại cơ quan điều tra các bị cáo Nguyễn Tiến T, Vũ Thị M, Trần Văn B, Nguyễn Văn D, sinh năm 1962, Nguyễn Văn A, sinh năm 1973, Phùng Xuân H, Nguyễn Thị C và Ngô Văn E đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được như lời khai của những người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án đã nhập kho vật chứng Công an huyện P chờ xử lý gồm:

+ 02 đĩa nhỏ, 01 chiếc đĩa sứ nhỏ bị vỡ đôi, 02 bát sứ màu trắng, 04 mảnh bìa cát tông, 01 mảnh giấy vở học sinh bị xé một góc, 01 chiếc bút, 01 thanh tre, 01 con dao, 08 mẫu tre một mặt được bôi đen, 01 chiếu cói;

+ 01 điện thoại di động NOKIA 1280 màu đen;

+ 01 điện thoại di động OPPO F3 màu trắng, số IMEI: 127116;

+ 01 điện thoại di động Iphone 5S màu vàng trắng, số IMEI: 997192;

+ 01 điện thoại di động OPPO F5 màu nâu vàng, số IMEI: 161058; 01 điện thoại di động Samsung A6 màu nâu, số IMEI: 522775; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 màu đen;

+ 01 điện thoại di động Masstel màu đen;

+ 01 điện thoại di động NOKIA màu đen;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu nâu đen, BKS: 98D1-198.66;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Angel 100 màu xanh, BKS: 98N1-8884 chưa rõ chủ xe;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu nâu đen, BKS: 20G1-311.86;

+ 01 ví màu đen loại ví nữ cầm tay đã qua sử dụng của Dương Ngọc Lan;

+ Số tiền 50.365.000 đồng (*Năm mươi triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

Những tài sản đã được cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu gồm:

Trả lại cho Vi Thị L 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, BKS: 20G1- 449.61 đăng ký xe mang tên Vi Thị L; Trả lại cho Nguyễn Duy G 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, số IMEI 120532 và số tiền 290.000 đồng; Trả lại cho Hoàng Văn H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone8 màu đen; Trả lại cho Ngô Công K 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đen, BKS: 98M2-1725 đăng ký xe mang tên Ngô Công K.

Tại bản Cáo trạng số 35/CT-VKSPB ngày 01 tháng 03 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình đã truy tố các bị cáo: Nguyễn Tiến T, Phùng Xuân H, Vũ Thị M, Trần Văn B, Nguyễn Văn D (sinh năm 1962), Nguyễn Văn A (sinh năm 1973), Nguyễn Thị C, Ngô Văn E đều về tội: “Đánh bạc”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều giữ nguyên lời khai như đã khai tại cơ quan điều tra và đều thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình đã truy tố là đúng người, đúng tội, không có bị cáo nào kêu oan.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã kết luận: giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị với Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Tiến T, Phùng Xuân H, Vũ Thị M, Trần Văn B, Nguyễn Văn D (sinh năm 1962), Nguyễn Văn A (sinh năm 1973), Nguyễn Thị C, Ngô Văn E đều phạm tội: “Đánh bạc”.

Về hình phạt chính: - Áp dụng khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự đối với 8 bị cáo.

- Điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Tiến T, Trần Văn B, Nguyễn Văn D (sinh năm 1962), Nguyễn Văn A (sinh năm 1973), Nguyễn Thị C, Ngô Văn E.

- Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với Vũ Thị M và Phùng Xuân H.

- Điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với Phùng Xuân H.

- Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn D (sinh năm 1962), Vũ Thị M, Ngô Văn E.

Xử phạt cụ thể:

- Nguyễn Tiến T từ 15 đến 18 tháng tù.

- Phùng Xuân H từ 15 đến 18 tháng tù.

- Vũ Thị M từ 09 đến 12 tháng tù.

- Trần Văn B từ 09 đến 12 tháng tù.

- Nguyễn Văn D (sinh năm 1962) từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách từ từ 12 đến 18 tháng.

- Nguyễn Văn A (sinh năm 1973) từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách từ từ 12 đến 18 tháng.

- Nguyễn Thị C từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách từ từ 12 đến 18 tháng.

- Ngô Văn E từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách từ từ 12 đến 18 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự, phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Đề nghị xử lý các vật chứng đã thu giữ theo Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 đĩa nhỏ, 01 chiếc đĩa sứ nhỏ bị vỡ đôi, 02 bát xứ màu trắng, 04 mảnh bìa cát tông, 01 mảnh giấy vở học sinh bị xé một góc, 01 chiếc bút, 01 thanh tre, 01 con dao, 08 mẫu tre một mặt bôi đen, 01 chiếu cói.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 16.885.000đ

- Tịch thu sung quỹ nhà nước những chiếc điện thoại do các bị cáo dùng vào việc phạm tội gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động NOKIA 1280 màu đen số imel: 34755 máy cũ đã qua sử dụng của Phùng Xuân H;

+ 01 (một) điện thoại OPPO F3 màu trắng hồng số imel 127116 máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Tiến T;

+ 01 (một) điện thoại iphone 5s màu vàng trắng số imel 997192 máy cũ đã qua sử dụng của Ngô Văn E;

+ 01 (một) điện thoại di động OPPO F5 màu nâu vàng số imel 161058 máy cũ đã qua sử dụng của Vũ Thị M;

+ 01 (một) điện thoại di động Sam Sung A6 màu nâu số imel 522755 máy cũ đã qua sử dụng của Vũ Thị M;

+ 01 (một) điện thoại di động NOKIA 1280 số imel 689206 máy cũ đã qua sử dụng của Vũ Thị M;

+ 01 (một) điện thoại di động Masstel màu đen số imel 643113 máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn A (sinh năm 1973);

+ 01 (một) điện thoại di động NOKIA màu đen số imel 364936 máy cũ đã qua sử dụng của Trần Văn B;

- Tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án đối với các bị cáo những tài sản sau:

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đen BKS 98D1-19866 xe có đủ hai gương chiếu hậu, số khung CHASSISN278773, số máy ENGINEN4142420 xe cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn D, sinh năm 1962;

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đen BKS 20G1-31186 xe có đủ hai gương chiếu hậu, số khung RLHJF6304FZ706720, số máy JF63E1706748 xe cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Tiến T;

- Trả lại: Ngô Thị T1 số tiền 17.200.000đ và Nguyễn Thị L (Tức Dương Ngọc L) 01 ví màu đen loại ví nữ cầm tay đã qua sử dụng.

- Tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án đối với các bị cáo số tiền 16.280.000đ (Trong đó: của M là 3.450.000đ; B là 3.500.000đ; E là 130.000đ; C là 9.200.000đ)

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên - Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về việc xử vắng mặt người làm chứng là bà Nguyễn Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Ngô Thị T1 và Dương Ngọc L, Hội đồng xét xử thấy việc những vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[3]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, Hội đồng xét xử thấy lời khai đó đã phù hợp với cáo trạng truy tố, phù hợp với chính lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và lời khai của những người tham gia tố tụng khác. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 12/11/2018, tại nhà Nguyễn Văn A thuộc xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Tiến T đã tổ chức gọi một số người đến để đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền. Sau khi các đối tượng đến, T đã thuê Ngô Văn E, Nguyễn Văn A (chủ nhà) cảnh giới và thuê Vũ Thị M thu tiền hồ của các con bạc đến chơi. Khi phát hiện thấy tổ công tác Công an huyện P đến, các đối tượng đang đánh bạc đã tự đập vỡ dụng cụ đánh bạc, cất giấu tiền và rời khỏi chiếu bạc ra sân, còn một số đối tượng bỏ chạy. Tổ công tác đã lập biên bản sự việc thu giữ tiền, một số tài sản và một số vật chứng có liên quan đồng thời đưa các đối tượng về trụ sở làm việc. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã chứng minh được các đối tượng tham gia đánh bạc gồm: Nguyễn Tiến T, Vũ Thị M, Trần Văn B, Nguyễn Văn D (sinh năm 1962), Nguyễn Văn A (sinh năm 1973), Phùng Xuân H, Nguyễn Thị C, Ngô Văn E. Số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 16.685.000 đồng (*Mười sáu triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Với hành vi trên các bị cáo đều đã đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm, Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Nguyễn Tiến T, Phùng Xuân H, Vũ Thị M, Trần Văn B, Nguyễn Văn D (sinh năm 1962), Nguyễn Văn A (sinh năm 1973), Nguyễn Thị C, Ngô Văn E đều phạm vào tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. ...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[4]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp là tội phạm ít nghiêm trọng. Các bị cáo nhận thức rõ về tác động của tội phạm do mình gây ra xâm phạm đến trật tự nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, tất cả các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Các bị cáo Nguyễn Tiến T, Trần Văn B, Nguyễn Văn D (sinh năm 1962), Nguyễn Văn A (sinh năm 1973), Nguyễn Thị C, Ngô Văn E phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do đó đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự

- Các bị cáo Nguyễn Văn D (sinh năm 1962), Ngô Văn E, Vũ Thị M đều có bố đẻ là người có công với Nhà nước và được tặng thưởng huân huy chương; bị cáo Vũ Thị M là hộ cận nghèo. Do đó, các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Phùng Xuân H phải chịu một tình tiết tăng nặng là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo khác không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Từ những căn cứ nêu trên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cân nhắc một mức án phù hợp với nhân thân, tính chất mức độ tội phạm do từng bị cáo gây ra. Trong đó:

Đối với bị cáo Nguyễn Tiến T, Hội đồng xét xử thấy mặc dù bị cáo cũng là người được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo đóng vai trò chính vì bị cáo là người chủ mưu, khởi xướng, gọi cho các bị cáo khác tham gia đánh bạc do đó cần áp dụng một mức án tương ứng với 15 tháng tù và áp dụng biện pháp cải tạo cách ly ra khỏi xã hội đối với bị cáo.

Đối với Phùng Xuân H và Vũ Thị M đều là những người có nhân thân xấu, trong đó bị cáo H đã có một tiền án do đó cần áp dụng mức án tương ứng 15 tháng tù và bị cáo M tương ứng với 9 tháng tù và áp dụng biện pháp cải tạo cách ly ra khỏi xã hội đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Trần Văn B mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Tuy nhiên, về biện pháp cải tạo cách ly là không cần thiết, vì bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đủ điều kiện để cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn D (sinh năm 1962), Nguyễn Văn A (sinh năm 1973), Nguyễn Thị C, Ngô Văn E, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, mức án và biện pháp cải tạo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật, do đó cần chấp nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy các bị cáo Nguyễn Tiến T, Phùng Xuân H, Vũ Thị M, Trần Văn B, Nguyễn Văn D (sinh năm 1962), Nguyễn Văn A (sinh năm 1973), Nguyễn Thị C, Ngô Văn E phạm tội đều nhằm mục đích thu lời bất chính nên cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung (là phạt tiền) đối với mỗi bị cáo là 10.000.000đ nộp sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[6]. Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 xử lý vật chứng như sau:

- Đối với vật chứng là: 02 đĩa nhỏ, 01 chiếc đĩa sứ nhỏ bị vỡ đôi, 02 bát sứ màu trắng, 04 mảnh bìa cát tông, 01 mảnh giấy vở học sinh bị xé một góc, 01 chiếc bút, 01 thanh tre, 01 con dao, 08 mẫu tre một mặt bôi đen, 01 chiếu cói. Hội đồng xét xử thấy đây là những vật chứng dùng làm công cụ phạm tội do đó cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 16.885.000đ là tiền dùng vào việc đánh bạc do đó cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với những chiếc điện thoại do các bị cáo dùng vào việc liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần tịch thu sung quỹ nhà nước gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động NOKIA 1280 màu đen số imel: 34755 máy cũ đã qua sử dụng của Phùng Xuân H;

+ 01 (một) điện thoại OPPO F3 màu trắng hồng số imel 127116 máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Tiến T;

+ 01 (một) điện thoại iphone 5s màu vàng trắng số imel 997192 máy cũ đã qua sử dụng của Ngô Văn E;

+ 01 (một) điện thoại di động OPPO F5 màu nâu vàng số imel 161058 máy cũ đã qua sử dụng của Vũ Thị M;

+ 01 (một) điện thoại di động Sam Sung A6 màu nâu số imel 522755 máy cũ đã qua sử dụng của Vũ Thị M;

+ 01 (một) điện thoại di động NOKIA 1280 số imel 689206 máy cũ đã qua sử dụng của Vũ Thị M;

+ 01 (một) điện thoại di động Masstel màu đen số imel 643113 máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn A (sinh năm 1973);

+ 01 (một) điện thoại di động NOKIA màu đen số imel 364936 máy cũ đã qua sử dụng của Trần Văn B;

- Cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án đối với các bị cáo những tài sản sau:

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đen BKS 98D1-19866 xe có đủ hai gương chiếu hậu, số khung CHASSISN278773, số máy ENGINEN4142420 xe cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn D, sinh năm 1962;

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đen BKS 20G1-31186 xe có đủ hai gương chiếu hậu, số khung RLHJF6304FZ706720, số máy JF63E1706748 xe cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Tiến T;

- Trả lại: Ngô Thị T1 số tiền 17.200.000đ và Nguyễn Thị L (Tức Dương Ngọc L) 01 ví màu đen loại ví nữ cầm tay đã qua sử dụng. Vì những vật chứng này không liên quan đến tội phạm

- Tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án đối với các bị cáo số tiền 16.280.000đ vì không liên quan đến tội phạm (Trong đó: của M là 3.450.000đ; B là 3.500.000đ; E là 130.000đ; C là 9.200.000đ).

[7]. Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là cơ bản phù hợp với quy định của Pháp luật cần chấp nhận. Tuy nhiên, đối với biện pháp cải tạo của bị cáo B, Hội đồng xét xử cần xem xét lại.

[8]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9]. Thông báo quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Tiến T;

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với Phùng Xuân H;

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với Vũ Thị M;

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 (áp dụng thêm khoản 2 đối với Nguyễn Văn D (sinh năm 1962) và Ngô Văn E) Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với Trần Văn B, Nguyễn Văn D (sinh năm 1962), Nguyễn Văn A (sinh năm 1973), Nguyễn Thị C, Ngô Văn E;

- Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 326 và Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự và áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tiến T, Phùng Xuân H, Vũ Thị M, Trần Văn B, Nguyễn Văn D (sinh năm 1962), Nguyễn Văn A (sinh năm 1973), Nguyễn Thị C, Ngô Văn E đều phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt

- Nguyễn Tiến T **15** (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành bản án. Được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ 12/11/2018 đến 01/02/2019.

- Phùng Xuân H **15** (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/11/2018.

- Vũ Thị M **09** (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành bản án. Được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ 12/11/2018 đến 22/11/2018.

- Trần Văn B **09** (Chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **18** (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Là ngày 22/4/2019).

- Nguyễn Văn D (sinh năm 1962) **06** (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **12** (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Là ngày 22/4/2019).

- Nguyễn Văn A (sinh năm 1973) **06** (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **12** (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Là ngày 22/4/2019).

- Nguyễn Thị C **06** (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **12** (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Là ngày 22/4/2019).

- Ngô Văn E **06** (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **12** (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Là ngày 22/4/2019).

Giao các bị cáo Nguyễn Văn A (sinh năm 1973), Ngô Văn E cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Giao các bị cáo Trần Văn B, Nguyễn Thị C cho Ủy ban nhân dân Thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Nguyễn Văn D (sinh năm 1962) cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (Gồm các bị cáo: Trần Văn B, Nguyễn Văn D (sinh năm 1962), Nguyễn Văn A (sinh năm 1973), Nguyễn Thị C, Ngô Văn E) có ý vi phạm nghĩa vụ **02** lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Hình phạt bổ sung:

- Phạt bổ sung (phạt tiền) các bị cáo Nguyễn Tiến T, Phùng Xuân H, Vũ Thị M, Trần Văn B, Nguyễn Văn D (sinh năm 1962), Nguyễn Văn A (sinh năm 1973), Nguyễn Thị C, Ngô Văn E, mỗi bị cáo là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp sung quỹ nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) đĩa nhỏ, 01 (một) chiếc đĩa sứ nhỏ bị vỡ đôi, 02 (hai) bát sứ màu trắng, 04 (bốn) mảnh bìa cát tông, 01 (một) mảnh giấy vở học sinh bị xé một góc, 01 (một) chiếc bút, 01 (một) thanh tre, 01 (một) con dao, 08 (tám) mẫu tre một mặt bôi đen, 01 (một) chiếu cói.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước những tài sản sau:

+ Số tiền 16.885.000đ (Mười sáu triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng) là tiền dùng vào việc đánh bạc;

+ 01 (một) điện thoại di động NOKIA 1280 màu đen số imel: 34755 máy cũ đã qua sử dụng của Phùng Xuân H;

+ 01 (một) điện thoại OPPO F3 màu trắng hồng số imel 127116 máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Tiến T;

+ 01 (một) điện thoại iphone 5s màu vàng trắng số imel 997192 máy cũ đã qua sử dụng của Ngô Văn E;

+ 01 (một) điện thoại di động OPPO F5 màu nâu vàng số imel 161058 máy cũ đã qua sử dụng của Vũ Thị M;

+ 01 (một) điện thoại di động Sam Sung A6 màu nâu số imel 522755 máy cũ đã qua sử dụng của Vũ Thị M;

+ 01 (một) điện thoại di động NOKIA 1280 số imel 689206 máy cũ đã qua sử dụng của Vũ Thị M;

+ 01 (một) điện thoại di động Masstel màu đen số imel 643113 máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn A (sinh năm 1973);

+ 01 (một) điện thoại di động NOKIA màu đen số imel 364936 máy cũ đã qua sử dụng của Trần Văn B;

- Tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án đối với các bị cáo những tài sản sau:

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đen BKS 98D1-19866 xe có đủ hai gương chiếu hậu, số khung CHASSISN278773, số máy ENGINEN4142420 xe cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn D, sinh năm 1962;

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đen BKS 20G1-31186 xe có đủ hai gương chiếu hậu, số khung RLHJF6304FZ706720, số máy JF63E1706748 xe cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Tiến T;

+ Số tiền là 3.450.000đ (Ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) của Vũ Thị M;

+ Số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) của Trần Văn B;

+ Số tiền 130.000đ (Một trăm ba mươi nghìn đồng) của Ngô Văn E;

+ Số tiền 9.200.000đ (Chín triệu hai trăm nghìn đồng) của Nguyễn Thị C.

- Trả lại: cho chị Ngô Thị T1 số tiền 17.200.000đ (Mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng) và Dương Ngọc L 01 (Một) ví màu đen loại ví nữ cầm tay đã qua sử dụng. Vì những vật chứng này không liên quan đến tội phạm

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/3/2019 và ủy nhiệm chi số 03 ngày 07/3/2019 giữa các bên: Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện Phú Bình, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình và Kho bạc nhà nước huyện Phú Bình).

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Tiến T, Phùng Xuân H, Vũ Thị M, Trần Văn B, Nguyễn Văn D (sinh năm 1962), Nguyễn Văn A (sinh năm 1973), Nguyễn Thị C, Ngô Văn E mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

6. Thông báo quyền kháng cáo: Án xử hình sự sơ thẩm công khai, có mặt các bị cáo (Nguyễn Tiến T, Phùng Xuân H, Vũ Thị M, Trần Văn B, Nguyễn Văn D (sinh năm 1962), Nguyễn Văn A (sinh năm 1973), Nguyễn Thị C, Ngô Văn E), báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Chị Ngô Thị T1 và Nguyễn Thị L) báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện Phú Bình;
- Cơ quan điều tra CA huyện Phú Bình;
- CQTHAHS Công an huyện Phú Bình;
- CC T.H.A DS huyện Phú Bình;
- Các bị cáo; Người có QLLQ;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ích Yên